

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ III - NĂM 2020

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP:

1- Hình thức sở hữu vốn:

Là Công ty cổ phần được thành lập, dưới hình thức chuyển đổi từ doanh nghiệp Nhà nước Công ty Thương mại - đầu tư tổng hợp Hóc Môn thành Công ty Cổ Phần Thương Mại Hóc Môn, theo Quyết định số 7508/QĐ-UB ngày 14/11/2001 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, và Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103000761 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 31/12/2001; Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp lần thứ 9 ngày 17 tháng 03 năm 2017 về tăng vốn điều lệ từ 105.000.000.000 đồng lên 110.000.000.000 đồng.

2- Lĩnh vực kinh doanh: Thương mại - Xuất nhập khẩu - Xây dựng - Đầu tư

3- Ngành nghề kinh doanh:

- Bán buôn và bán lẻ hàng công nghệ phẩm, thực phẩm, hàng tiêu dùng, nông hải sản;
- Kinh doanh dịch vụ ăn uống, dịch vụ sinh hoạt, dịch vụ du lịch;
- Kinh doanh cung ứng vật tư kỹ thuật: xăng dầu, nhớt, mỡ công nghiệp, phân bón, hóa chất (trừ hóa chất có tính độc hại mạnh), thiết bị phụ tùng nông nghiệp, kim khí điện máy, vật liệu xây dựng;
- Kinh doanh hàng nông lâm thủy hải thực phẩm, tiểu thủ công nghiệp, hàng mỹ nghệ để xuất khẩu và tiêu thụ nội địa
- Kinh doanh dịch vụ khách sạn, nhà trọ;
- Xuất khẩu máy móc, thiết bị, vật tư, vật tư nguyên liệu, hàng hóa
- Dịch vụ xuất nhập khẩu;
- Xây dựng (dân dụng, công nghiệp, giao thông công chánh) và kinh doanh nhà;
- Mua bán vật tư bảo vệ thực vật, thuốc bảo vệ thực vật, phương tiện vận tải đường bộ;
- Vận tải xăng dầu đường bộ;
- Karaoke;
- Cho thuê mặt bằng, văn phòng, kho, ki-ốt;
- Kinh doanh bất động sản;

4- Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường:

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Tập đoàn không quá 12 tháng. Riêng đối với hoạt động kinh doanh bất động sản có chu kỳ kinh doanh trên 12 tháng.

5- Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính:

6- Cấu trúc doanh nghiệp:

Số lượng Công ty con: 01

Số lượng Công ty con được hợp nhất: 01

- Tên công ty : Công ty TNHH Quản Lý Và Kinh Doanh Chợ Đầu Mối Nông Sản Thực Phẩm Hóc Môn
- Địa chỉ : Số 14/7A Nguyễn Thị Sóc, ấp Mỹ Hòa 4, Xã Xuân Thới Đông, H. Hóc Môn, Tp. Hồ Chí Minh
- Tỷ lệ góp vốn : 100%
- Tỷ lệ lợi ích : 75% lợi nhuận sau thuế (Căn cứ theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 53/2020/NQ-ĐHĐCĐ ngày 12/06/2020)



Danh sách Công ty liên doanh, liên kết

- Tên công ty : Công ty Cổ phần Chế Biến Thực Phẩm Hóc Môn
- Địa chỉ : 179, ấp 1, Xã Xuân Thới Thượng, Huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh
- Tỷ lệ góp vốn : 35,00 % - Tỷ lệ lợi ích: Tương ứng với tỷ lệ vốn góp

7- Nhân viên

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2020, Tập đoàn có 568 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 569 nhân viên).

II. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1- Kỳ kế toán:

Kỳ kế toán năm bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2- Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán:

- Đơn vị tiền tệ được sử dụng để lập báo cáo là Đồng Việt Nam (VND).

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ được xử lý theo Chuẩn mực kế toán số 10 ban hành theo Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 của Bộ Tài chính.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1- Chế độ kế toán áp dụng:

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/209/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính cũng như Thông tư số 202/2014/TT-BTC thay thế cho phần XIII - Thông tư số 161/2007/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2007 của Bộ Tài chính hướng dẫn lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 25 “Báo cáo tài chính hợp nhất và kế toán các khoản đầu tư vào công ty con”. Các Thông tư này có hiệu lực áp dụng cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015. Tập đoàn áp dụng các chuẩn mực kế toán, các Thông tư này và các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

2- Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán:

Ban Điều hành Công ty Cổ phần Thương Mại Hóc Môn cam kết Báo cáo tài chính hợp nhất được lập và trình bày phù hợp với các Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam hiện hành trong hệ thống kế toán và báo cáo kế toán do Nhà nước Việt Nam quy định.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1- Nguyên tắc chuyển đổi Báo cáo tài chính bằng ngoại tệ sang Đồng Việt Nam:

Doanh nghiệp áp dụng đồng tiền ghi sổ kế toán là Đồng Việt Nam.

2- Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán:

3- Nguyên tắc xác định lãi suất thực tế (lãi suất hiệu lực) dùng để chiết khấu dòng tiền:

4- Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền: được ghi nhận theo giá gốc:

- Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng và tiền đang chuyển.

- Nguyên tắc xác định các khoản tương đương tiền: căn cứ vào các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

5- Nguyên tắc kế toán và các khoản đầu tư tài chính:

a) Chứng khoán kinh doanh

- Khoản đầu tư được phân loại là chứng khoán kinh doanh khi nắm giữ vì mục đích mua bán để kiếm lời. Chứng khoán kinh doanh được ghi sổ kế toán theo giá gốc. Giá gốc của chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua chứng khoán kinh doanh.

Thời điểm ghi nhận các khoản chứng khoán kinh doanh là thời điểm Công ty có quyền sở hữu, cụ thể như sau:

- Đối với chứng khoán niêm yết: được ghi nhận tại thời điểm khớp lệnh (T+0).
- Đối với chứng khoán chưa niêm yết: được ghi nhận tại thời điểm chính thức có quyền sở hữu theo qui định của pháp luật.

Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi chứng khoán kinh doanh được mua được hạch toán giảm giá trị của chính chứng khoán kinh doanh đó. Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi chứng khoán kinh doanh được mua được ghi nhận doanh thu tài chính. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được hoặc được ghi nhận theo mệnh giá.

Cổ phiếu hoán đổi được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày trao đổi. Giá trị hợp lý của cổ phiếu được xác định như sau:

- Đối với cổ phiếu của công ty niêm yết, giá trị hợp lý của cổ phiếu là giá đóng cửa niêm yết trên thị trường chứng khoán tại ngày trao đổi. Trường hợp tại ngày trao đổi thị trường chứng khoán không giao dịch thì giá trị hợp lý của cổ phiếu là giá đóng cửa phiên giao dịch trước liền kề với ngày trao đổi.
- Đối với cổ phiếu chưa niêm yết được giao dịch trên sàn UPCOM, giá trị hợp lý của cổ phiếu là giá giao dịch đóng cửa trên sàn UPCOM tại ngày trao đổi. Trường hợp ngày trao đổi sàn UPCOM không giao dịch thì giá trị hợp lý của cổ phiếu là giá đóng cửa phiên giao dịch trước liền kề với ngày trao đổi.
- Đối với cổ phiếu chưa niêm yết khác, giá trị hợp lý của cổ phiếu là giá do các bên thỏa thuận theo hợp đồng hoặc giá trị sổ sách tại thời điểm trao đổi.

- Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá thị trường thấp hơn giá gốc. Việc xác định giá trị hợp lý của chứng khoán kinh doanh niêm yết trên thị trường chứng khoán hoặc được giao dịch trên sàn UPCOM, giá trị hợp lý của chứng khoán là giá đóng cửa tại ngày kết thúc năm tài chính. Trường hợp tại ngày kết thúc năm tài chính thị trường chứng khoán hay sàn UPCOM không giao dịch thì giá trị hợp lý của chứng khoán là giá đóng cửa phiên giao dịch trước liền kề với ngày kết thúc năm tài chính.

Tăng, giảm số dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

b) Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau khi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

c) Đầu tư vào Công ty con, công ty liên doanh, liên kết

Công ty con:

Công ty con là doanh nghiệp chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty mẹ có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp đó.

Công ty liên doanh:

Công ty liên doanh là doanh nghiệp được thành lập trên cơ sở thỏa thuận trên hợp đồng mà theo đó Công ty và các bên tham gia thực hiện hoạt động kinh tế trên cơ sở đồng kiểm soát. Đồng kiểm soát được hiểu là việc đưa ra các quyết định mang tính chiến lược liên quan đến các chính sách hoạt động và tài chính của công ty liên doanh phải có sự đồng thuận của các bên tham gia liên doanh.

Công ty liên kết:

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được hoặc được ghi nhận theo mệnh giá.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết được trích lập khi công ty con, công ty liên doanh, liên kết bị lỗ với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại công ty con, công ty liên doanh, liên kết và vốn chủ sở hữu thực có nhân (X) với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại công ty con, công ty liên doanh, liên kết. Nếu công ty con, công ty liên doanh, liên kết là đối tượng lập Báo cáo tài chính hợp nhất thì căn cứ để xác định dự phòng tổn thất là Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

d) Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Tập đoàn không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được hoặc được ghi nhận theo mệnh giá.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Tập đoàn so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác. Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

d) Các phương pháp kế toán đối với giao dịch khác liên quan đến đầu tư tài chính

6- Nguyên tắc ghi nhận kế toán nợ phải thu:

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.

- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

- Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra. Công ty lập dự phòng theo Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 và Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 6 năm 2013, cụ thể như sau:

+ 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.

+ 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.

+ 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.

+ 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.

+ Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

7- Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho:

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: chi bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính (hoặc yếu tố chi phí khác cho phù hợp).

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp nhập trước – xuất trước và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

8- Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao TSCĐ, TSCĐ thuê tài chính, bất động sản đầu tư:

- Tài sản cố định được xác định theo nguyên giá trừ (-) giá trị hao mòn lũy kế.

- Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động. Những chi phí mua cải tiến và tân trang được tính vào giá trị tài sản cố định và những chi phí bảo trì sửa chữa được tính vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

- Khi tài sản bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi (lỗ) nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

- Phương pháp khấu hao TSCĐ:

+ Tài sản cố định khấu hao theo phương pháp đường thẳng để trừ dần nguyên giá tài sản cố định theo thời gian hữu dụng ước tính, phù hợp với hướng dẫn theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013 của Bộ Tài Chính.

+ Thời gian hữu dụng ước tính của các nhóm tài sản cố định:

| Loại Tài sản | Thời hạn |
|-------------------------|-------------|
| Nhà cửa – vật kiến trúc | 07 - 50 năm |
| Máy móc thiết bị | 05 - 15 năm |
| Phương tiện vận tải | 06 - 08 năm |
| Dụng cụ quản lý | 05 - 08 năm |
| Quyền sử dụng đất | 20 - 50 năm |

b) Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao Bất động sản đầu tư:

- Nguyên tắc đánh giá

+ Bất động sản đầu tư là nhà lồng chợ, cơ sở hạ tầng, chi phí san lấp mặt bằng thuộc sở hữu của Công ty được sử dụng nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê.

+ Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá của bất động sản đầu tư là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản đưa ra để trao đổi nhằm có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành.

+ Các chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được ghi nhận vào chi phí, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho bất động sản đầu tư tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá.

+ Khi bất động sản đầu tư được bán, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi/lỗ nào phát sinh đều được hạch toán vào thu nhập hay chi phí.

- Phương pháp khấu hao bất động sản đầu tư:

Khấu hao bất động sản đầu tư theo phương pháp đường thẳng.

+ Thời gian khấu hao hữu dụng ước tính của bất động sản đầu tư:

| Loại Bất động sản đầu tư | Thời hạn |
|---------------------------------|----------|
| Nhà lồng chợ + Hạ tầng kỹ thuật | 25 năm |
| San lấp mặt bằng | 50 năm |
| Chi phí đền bù | 20 năm |

9- Nguyên tắc kế toán các hợp đồng hợp tác kinh doanh:

10- Nguyên tắc kế toán thuế TNDN hoãn lại:

a) Nguyên tắc kế toán tài sản thuế thu nhập hoãn lại

Việc ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại trong năm được thực hiện theo nguyên tắc bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hoãn lại phát sinh trong năm nay với tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp, đã ghi nhận từ các năm trước nhưng năm nay được hoãn lại, theo nguyên tắc:

- Nếu tài sản thuế thu nhập hoãn lại phát sinh trong năm lớn hơn tài sản thuế thu nhập hoãn lại được hoãn lại trong năm, thì số chênh lệch được ghi nhận là tài sản thuế thu nhập hoãn lại và ghi giảm chi phí thuế thu nhập hoãn lại.

- Nếu tài sản thuế thu nhập hoãn lại phát sinh trong năm nhỏ hơn tài sản thuế thu nhập hoãn lại được hoãn lại trong năm, thì số chênh lệch được ghi giảm tài sản thuế thu nhập hoãn lại và ghi tăng chi phí thuế thu nhập hoãn lại.

Nguyên tắc kế toán thuế TNDN hoãn lại phải trả

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, trừ khi thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả của một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

b) Nguyên tắc kế toán thuế TNDN hoãn lại phải trả

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, trừ khi thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả của một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

11- Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước:

Chi phí trả trước bao gồm:

- Chi phí trả trước về thuê mặt bằng
- Chi phí trả trước về thuê dịch vụ cung cấp cho hoạt động kinh doanh
- Chi phí mua các loại bảo hiểm (Bảo hiểm cháy, nổ)
- Chi phí lắp đặt, sửa chữa
- Chi phí trả trước khác

12- Nguyên tắc kế toán nợ phải trả và chi phí phải trả:

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.

- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.

- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

13- Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính:

14- Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay:

- Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh.

- Chi phí đi vay được vốn hóa khi liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán và chắc chắn thu được lợi ích kinh tế trong tương lai cho việc sử dụng tài sản đó và chi phí đi vay được xác định một cách đáng tin cậy

15- Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản dự phòng phải trả:

- Các khoản dự phòng phải trả được ghi nhận là giá trị được ước tính hợp lý về khoản tiền sẽ phải chi để thanh toán nghĩa vụ nợ hiện tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

- Phương pháp ghi nhận: Khoản dự phòng phải trả được lập thêm (hoặc hoàn nhập) theo số chênh lệch lớn hơn (hoặc nhỏ hơn) giữa số dự phòng phải trả phải lập năm nay so với dự phòng phải trả đã lập năm trước chưa sử dụng đang ghi trên sổ kế toán.

16- Nguyên tắc ghi nhận doanh thu chưa thực hiện:

- Doanh thu chưa thực hiện được ghi nhận theo nguyên tắc: khoản tiền mà người bán nhận trước của người mua nhưng liên quan đến nhiều kỳ kế toán và người bán đã giao hàng hóa và cung cấp dịch vụ (cho thuê các sạp kinh doanh), tài sản cho người mua sử dụng.

17- Nguyên tắc ghi nhận trái phiếu chuyển đổi:

18- Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu:

- Nguyên tắc ghi nhận vốn đầu tư của chủ sở hữu, thặng dư vốn cổ phần, vốn khác của chủ sở hữu:

+ Vốn đầu tư của chủ sở hữu : là số vốn thực góp của chủ sở hữu.

+ Thặng dư vốn cổ phần là số chênh lệch lớn hơn (hoặc nhỏ hơn) giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu ở Công ty cổ phần khi phát hành cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ . Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

+ Vốn khác được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh, đánh giá lại tài sản và giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản được tặng, biếu, tài trợ sau khi trừ các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản này.

+ Khi mua lại cổ phiếu do Công ty phát hành, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào chỉ tiêu Thặng dư vốn cổ phần.

+ Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối: lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Bảng cân đối kế toán là số lợi nhuận (lãi hoặc lỗ) từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) chi phí thuế TNDN của Kỳ này và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của Kỳ trước;

- Nguyên tắc trích lập các quỹ từ lợi nhuận sau thuế: Theo điều lệ Công ty và theo quyết định của Đại Hội đồng cổ đông.

19- Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác:

- Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi thỏa mãn các điều kiện sau:

+ Đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua; Xác định được phần công việc đã hoàn thành

+ Không còn giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa

+ Doanh thu đã xác định tương đối chắc chắn

+ Đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng, cung cấp dịch vụ

+ Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng

- Doanh thu của giao dịch cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

+ Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

+ Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

+ Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm tài chính.

+ Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

- Doanh thu bán bất động sản:

Doanh thu bán bất động sản mà Tập đoàn là chủ đầu tư được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời tất cả các điều kiện sau:

+ Bất động sản đã hoàn thành toàn bộ và bàn giao cho người mua, doanh nghiệp đã chuyển giao rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu bất động sản cho người mua.

+ Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý bất động sản như người sở hữu bất động sản hoặc quyền kiểm soát bất động sản.

+ Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

+ Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán bất động sản.

+ Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán bất động sản.

- Doanh thu tài chính được ghi nhận khi thỏa mãn:

+ Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;

+ Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;

- Thu nhập khác tuân thủ đầy đủ các nguyên tắc ghi nhận doanh thu theo Chuẩn mực kế toán.

20- Nguyên tắc các khoản giảm trừ doanh thu:

- Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm thuế tiêu thụ đặc biệt.

21- Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán:

- Giá vốn hàng bán được ghi nhận khi trong kỳ kế toán có phát sinh doanh thu bán hàng, doanh thu cung cấp dịch vụ. Doanh nghiệp ghi nhận giá vốn hàng bán phải tuân thủ nguyên tắc phù hợp, nguyên tắc nhất quán, thận trọng. Các chi phí phát sinh đều hợp lý hợp lệ và được quy định tại Luật Thuế TNDN.

22- Nguyên tắc, phương pháp ghi nhận chi phí tài chính:

Chi phí tài chính được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là tổng chi phí tài chính phát sinh trong kỳ, không có bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

23- Nguyên tắc kế toán chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp:

Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp là toàn bộ các chi phí phát sinh đến quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ và các chi phí quản lý chung của Công ty.

24- Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập hiện hành, chi phí thuế thu nhập hoãn lại:

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập DN hiện hành và thuế thu nhập DN hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoãn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chi ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Tập đoàn có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp.
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế.
- Tập đoàn dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuận hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

25- Các nguyên tắc và phương pháp kế toán khác:

26- Các nguyên tắc và phương pháp lập báo cáo tài chính hợp nhất:

Nguyên tắc hợp nhất báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Thương mại Hóc Môn và báo cáo tài chính của các công ty con (gọi chung là Tập đoàn) và phần quyền lợi của công ty trong lãi, lỗ của các công ty liên doanh, liên kết được hạch toán theo phương pháp giá gốc chính cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 09 năm 2020. Các báo cáo tài chính của công ty con đã được lập cho cùng năm tài chính với công ty theo các chính sách kế toán thống nhất với các chính sách kế toán của công ty. Các bút toán điều chỉnh đã được thực hiện đối với bất kỳ chính sách kế toán nào có điểm khác biệt nhằm đảm bảo tính thống nhất giữa các công ty con và công ty.

Các công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ hoạt động này. Khi đánh giá quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng hiện đang có hiệu lực hay sẽ được chuyển đổi.

Kết quả hoạt động của công ty con sẽ được đưa vào báo cáo tài chính hợp nhất kể từ ngày mua, là ngày công ty mẹ thực sự nắm quyền kiểm soát công ty con. Kết quả kinh doanh của công ty con bị thanh lý được đưa vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho tới ngày thanh lý.

Chênh lệch giữa chi phí đầu tư và phần sở hữu của tập đoàn trong giá trị hợp lý của tài sản thuần có thể xác định được của công ty con tại ngày mua được ghi nhận là lợi thế thương mại.

Số dư tài khoản trên bảng cân đối kế toán giữa các đơn vị trong tập đoàn, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được.

Các giao dịch hợp nhất kinh doanh được hạch toán kế toán theo phương pháp giá mua. Giá trị hợp lý kinh doanh bao gồm giá trị hợp lý diễn ra tại ngày trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do bên mua phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua, cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Các tài sản và nợ phải trả có thể xác định được và nợ tiềm tàng đã thừa nhận trong giao dịch hợp nhất kinh doanh sẽ được ghi nhận ban đầu theo giá trị hợp lý tại ngày mua, không tính đến lợi ích của cổ đông thiểu số.

Phương pháp kế toán trong giao dịch hợp nhất kinh doanh qua nhiều giai đoạn

*** Đối với khoản đầu tư vào Công ty TNHH QL & KD Chợ đầu mối NSTP Hóc Môn: áp dụng phương pháp giá gốc.

Công ty mẹ đạt được quyền kiểm soát kể từ ngày thành lập công ty con. Hàng quý Công ty con nộp 75% lợi nhuận sau thuế về Công ty mẹ, được phản ánh trong Báo cáo kết quả kinh doanh của Công ty mẹ.

Việc phân phối lợi nhuận do Đại hội cổ đông Công ty mẹ quyết định. Ban Điều hành Công ty con do Hội đồng công ty mẹ bổ nhiệm.

Công ty không đánh giá lại khoản đầu tư này cũng như lợi thế thương mại để xác định giá trị hợp lý.

*** Đối với khoản đầu tư vào Công ty CP Chế biến thực phẩm Hóc Môn (HFC): áp dụng phương pháp vốn chủ sở hữu.

Hàng quý, căn cứ vào Báo cáo kết quả kinh doanh của HFC, Công ty điều chỉnh tăng (giảm) khoản chi phí đầu tư theo tỷ lệ vốn góp;

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN:

| 01- Tiền: | | Đơn vị tính: Đồng | |
|-------------|---|----------------------|----------------------|
| | | Số cuối kỳ | Số đầu năm |
| 1.1 | Tiền mặt: | 726.835.345 | 1.855.055.469 |
| 1.2 | Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn: | 3.694.870.339 | 5.379.886.258 |
| + | Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển VN - CN Hóc Môn | 466.939.873 | 900.238.884 |
| + | Ngân hàng Nông nghiệp & PTNT - CN Hóc Môn | 2.763.134.625 | 4.465.132.433 |
| + | Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín | 439.494.587 | 1.598.379 |
| + | Ngân hàng TMCP Ngoại Thương VN - CN Bắc SG | 0 | 475.872 |
| + | Ngân hàng TMCP Phương Đông- PGD Hóc Môn | 2.383.346 | 2.629.000 |
| + | Công ty CP Chứng khoán Tân Việt | 5.625 | 19.115 |
| + | Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - CN Bắc SG | 0 | 1.448.669 |
| + | Ngân hàng TMCP Sài Gòn - PGD Mỹ Toàn (*) | 0 | 5.520.678 |
| + | Ngân hàng TMCP Quân Đội - CN Hóc Môn | 16.333.236 | 1.017.948 |
| + | Ngân hàng TM TNHH MTV Shinhan VN - CN Bắc SG | 6.579.047 | 1.805.280 |
| Cộng | | 4.421.705.684 | 7.234.941.727 |

(*) Ngân hàng Ngoại Thương VN - CN Bắc Sài Gòn: Tắt toán tài khoản ngày 08/04/2020,
 Ngân hàng Công Thương VN - CN Bắc Sài Gòn: Tắt toán tài khoản ngày 13/08/2020.
 Ngân hàng TMCP Sài Gòn - PGD Mỹ Toàn: Tắt toán tài khoản ngày 24/06/2020.

| 02- Các khoản tương đương tiền (TGNH kỳ hạn từ dưới 3 tháng): | | Số cuối kỳ | Số đầu năm |
|---|---|-----------------------|-----------------------|
| + | Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển VN - CN Hóc Môn | 3.500.000.000 | 3.500.000.000 |
| + | Ngân hàng Nông nghiệp & PTNT - CN Hóc Môn | 11.500.000.000 | 9.500.000.000 |
| Cộng | | 15.000.000.000 | 13.000.000.000 |

03- Các khoản đầu tư tài chính:

3.1 Chứng khoán kinh doanh:

| Chỉ tiêu | | | Số cuối kỳ | | | Số đầu năm | | |
|---------------|--|--------|------------|------------|----------|------------|------------|----------|
| | | | Giá gốc | Giá hợp lý | Dự phòng | Giá gốc | Giá hợp lý | Dự phòng |
| - Tên Công ty | Mã Cổ phiếu | 33.835 | 17.279 | 16.556 | 33.835 | 16.199 | 17.636 | |
| 1 | - Cty Cổ Phần Vạn Phát Hưng (VPH Corp) | VPH | 33.835 | 17.279 | 16.556 | 33.835 | 16.199 | 17.636 |

- Cơ sở giá trị hợp lý: Đánh giá theo giá đóng cửa của cổ phiếu được niêm yết trên sàn của Sở Giao dịch Chứng khoán TP.HCM tại ngày 30 tháng 09 năm 2020.

3.2 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn:

| Chỉ tiêu | Số cuối kỳ | | Số đầu năm | |
|--|-----------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|
| | Giá gốc | Giá trị ghi sổ | Giá gốc | Giá trị ghi sổ |
| Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn trên 03 tháng), trong đó: | 88.591.435.588 | 88.591.435.588 | 87.755.397.996 | 87.755.397.996 |
| - NH TMCP Đầu tư và PT VN - CN Học Môn | 27.000.000.000 | 27.000.000.000 | 45.000.000.000 | 45.000.000.000 |
| - Ngân hàng TMCP Sài Gòn - PGD Mỹ Toàn | 0 | 0 | 10.000.000.000 | 10.000.000.000 |
| - NH Nông nghiệp & PTNT - CN Học Môn | 17.000.000.000 | 17.000.000.000 | 7.000.000.000 | 7.000.000.000 |
| - NH TMCP Phương Đông CN PN - PGD Học Môn | 25.800.000.000 | 25.800.000.000 | 17.800.000.000 | 17.800.000.000 |
| - NH TMCP Sài Gòn Thương Tín - CN Học Môn | 17.000.000.000 | 17.000.000.000 | 5.000.000.000 | 5.000.000.000 |
| - NH TMCP Quân Đội - CN Học Môn | 0 | 0 | 2.000.000.000 | 2.000.000.000 |
| - Hợp đồng tiền gửi ký quỹ Dự án KNO XTĐ | 1.791.435.588 | 1.791.435.588 | 955.397.996 | 955.397.996 |

3.3 Đầu tư tài chính dài hạn:

| Chỉ tiêu | Số cuối kỳ | | | Số đầu năm | | |
|--|-----------------------|-------------------------------------|-----------------------|-----------------------|-------------------------------------|-----------------------|
| | Giá gốc | Lợi nhuận phát sinh sau ngày đầu tư | Giá trị hợp lý | Giá gốc | Lợi nhuận phát sinh sau ngày đầu tư | Giá trị hợp lý |
| - Đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết ⁽¹⁾ | 52.500.040.000 | 0 | 52.500.040.000 | 52.500.040.000 | (1.064.252.763) | 51.435.787.237 |
| - Đầu tư vào đơn vị khác (Công ty CP Bất Động sản Bến Thành Đức Khải) ⁽²⁾ | 878.238.342 | (878.238.342) | 0 | 878.238.342 | (878.238.342) | 0 |
| Cộng | 53.378.278.342 | (878.238.342) | 52.500.040.000 | 53.378.278.342 | (1.942.491.105) | 51.435.787.237 |

(1) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0312789319 thay đổi lần thứ 2 ngày 19 tháng 01 năm 2018 Sở Kế hoạch và Đầu tư Tp.Hồ Chí Minh cấp, đăng ký sửa đổi ngành nghề kinh doanh ngày 22/06/2020. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty đã đầu tư với số tiền 52.500.040.000 VND, tương đương 35,00% vốn điều lệ (số đầu năm là 52.500.040.000 VND, tương đương 35,00% vốn điều lệ).

(2) Đầu tư vào Công ty Cổ phần Bất động sản Bến Thành Đức Khải với số tiền 878.238.342 VND, tương đương 8,4% vốn điều lệ (số đầu năm là 878.238.342 VND, tương đương 8,4% vốn điều lệ). Công ty đang làm thủ tục giải thể theo Nghị quyết đại hội đồng cổ đông công ty Cổ phần Bất động sản Bến Thành Đức Khải số: 01/2014/NQ-ĐHDCD-BTĐK ngày 03/01/2014.

Các khoản đầu tư nêu trên không xác định được giá trị hợp lý do không có giá giao dịch và Chuẩn mực kế toán Việt Nam chưa có hướng dẫn về xác định giá trị hợp lý. Do đó, Công ty xác định Giá trị hợp lý bằng giá gốc đầu tư trừ đi dự phòng.

4- Phải thu khách hàng:

| | Số cuối kỳ | Số đầu năm |
|---|----------------------|----------------------|
| - Công ty Cổ phần Transimex | 941.120.000 | 713.600.000 |
| - Các khách hàng khác của khối văn phòng công ty | 2.004.222.400 | 1.207.189.400 |
| <i>Trong đó:</i> | | |
| - DNTN XD Ngọc Sương | 290.950.000 | 74.070.000 |
| - Cty TNHH VTXD Lê Trung | 303.070.000 | 268.790.000 |
| - DNTN XD Nguyễn Thị Du | 334.919.400 | 62.279.400 |
| - DNTN XD Trường Thịnh | 656.180.000 | 300.840.000 |
| - Các khách hàng của CHXD bán lẻ | 682.352.680 | 523.473.280 |
| - Các khách hàng chợ thịt, khu pha lóc, kho mát, kios | 836.343.901 | 15.400.000 |
| - Các khách hàng của Chợ đầu mối NSTP HM | 1.097.686.556 | 0 |
| Cộng | 5.561.725.537 | 2.459.662.680 |

| 5.1 Phải thu ngắn hạn khác: | Số cuối kỳ | Số đầu năm |
|--|----------------------|----------------------|
| - Lãi dự thu tiền gửi ngân hàng | 3.577.114.277 | 4.357.721.005 |
| <i>Trong đó: Lãi dự thu từ HĐTG kiêm ký quỹ DA KNO XTĐ (*)</i> | <i>116.207.043</i> | <i>641.930.497</i> |
| - Phải thu thuế TNCN | 6.554.692 | 212.020.027 |
| - Các khách hàng khác | 159.000.000 | 209.436.983 |
| Cộng | 3.742.668.969 | 4.779.178.015 |
| 5.2 Phải thu dài hạn khác: | Số cuối kỳ | Số đầu năm |
| - Tiền ký quỹ, ký cược - Sờ KH và ĐT TP.HCM (**) | 7.248.541.171 | 7.248.541.171 |
| Cộng | 7.248.541.171 | 7.248.541.171 |

(*) Căn cứ vào Hợp đồng ký quỹ số 01/2017/HDTGKQ 3187621334 ngày 06/11/2017 và Phụ lục Hợp đồng số 1 ký ngày 19/04/2019 giữa Ngân hàng TMCP ĐT và PT Việt Nam - CN Hóc Môn và Sở Kế hoạch và Đầu tư TP.HCM.

- Căn cứ vào Thỏa thuận ký quỹ đảm bảo thực hiện dự án đầu tư số 41/TTKQ-2017 ngày 06/11/2017 ký kết giữa Sở kế hoạch và Đầu tư TP.HCM và Công ty Cổ Phần Thương Mại Hóc Môn.

(**) Ngày 06 tháng 11 năm 2017 Công ty Cổ phần Thương Mại Hóc Môn đã nộp số tiền: 14.497.082.342 đồng cho Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh theo Thỏa thuận ký quỹ bảo đảm thực hiện dự án đầu tư Khu nhà ở tại xã Xuân Thới Đông, huyện Hóc Môn. Ngày 28 tháng 11 năm 2017 Công ty đã được Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh cấp Quyết định số 6203/QĐ-UBND Về cho Công ty Cổ phần Thương mại Hóc Môn sử dụng đất để thực hiện dự án Khu nhà ở tại xã Xuân Thới Đông, huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Ngày 19 tháng 04 năm 2019 Sở Kế hoạch và đầu tư hoàn trả 50% tiền ký quỹ theo Thỏa thuận ký quỹ bảo đảm thực hiện dự án đầu tư số 41/TTKQ-2017 ngày 06/11/2017 với số tiền là 7.248.541.171 đồng tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển VN - Chi nhánh Hóc Môn.

- Ngày 06 tháng 05 năm 2020 Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển VN - CN Hóc Môn phát hành Thông báo số 94A/BIDV.HM-KHDN ngày 06/05/2020 về việc tái tục tiền gửi ký quỹ giữa Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển VN - CN Hóc Môn và Công ty Cổ Phần Thương Mại Hóc Môn.

| 06- Hàng tồn kho: | Chỉ tiêu | Số cuối kỳ | | Số đầu năm | |
|--|----------|------------------------|---------------------|------------------------|---------------------|
| | | Giá gốc | Dự phòng | Giá gốc | Dự phòng |
| - Nguyên liệu, vật liệu: Thuốc tiêu độc khử trùng | | 770.000 | 0 | 1.540.000 | 0 |
| - Hàng hóa (*) | | 5.397.420.342 | (45.051.429) | 7.464.450.955 | (45.051.429) |
| Cộng | | 5.398.190.342 | (45.051.429) | 7.465.990.955 | (45.051.429) |
| - Giá trị hàng tồn kho dùng để thế chấp cầm cố đảm bảo cho các khoản nợ phải trả | | 0 | 0 | 0 | 0 |
| - Giá trị hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho trong kỳ: | | 0 | 0 | 0 | 0 |
| (*) Chủ yếu là mặt hàng Xăng, dầu, nhớt các loại. | | | | | |
| 07- Tài sản dở dang dài hạn: | | | | | |
| - Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn: | | Số cuối kỳ | | Số đầu năm | |
| * Khu Dân cư Tân Xuân | | 827.453.403 | | 994.199.247 | |
| * Dự án Khu nhà ở tại xã Xuân Thới Đông (*) | | 218.573.844.952 | | 189.601.405.337 | |
| * Tầng 4 Dự án Trung tâm TM Hóc Môn | | 18.181.818.182 | | 18.181.818.182 | |
| Cộng | | 237.583.116.537 | | 208.777.422.766 | |
| - Chi phí xây dựng cơ bản dở dang: | | Số cuối kỳ | | Số đầu năm | |
| * XD Trụ sở mới Cty CP TM Hóc Môn (**) | | 40.000.000 | | 40.000.000 | |
| Cộng | | 40.000.000 | | 40.000.000 | |
| Cộng Tài sản dở dang dài hạn | | 237.623.116.537 | | 208.817.422.766 | |

(*) - Ngày 02 tháng 06 năm 2017 Công ty Cổ phần Thương Mại Hóc Môn đã nhận Quyết định số 2815/QĐ-UBND của Ủy Ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh ký ngày 31/5/2017 về chấp thuận đầu tư dự án Khu nhà ở tại xã Xuân Thới Đông, huyện Hóc Môn do Công ty Cổ phần Thương mại Hóc Môn làm chủ đầu tư.

- Ngày 18 tháng 01 năm 2019 Công ty Cổ phần Thương Mại Hóc Môn đã được Sở Xây dựng Thành phố Hồ Chí Minh cấp Giấy phép xây dựng số 09/GPXD về việc được phép xây dựng công trình Hạ tầng kỹ thuật tại Dự án Khu nhà ở xã Xuân Thới Đông.

(**) Ngày 16 tháng 05 năm 2019 Công ty đã được Văn phòng Đăng ký Đất đai Thành Phố cấp nhật cấp Giấy Chứng nhận Quyền sử dụng đất Quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CC968164.

08- Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình:

| Khoản mục | Nhà cửa, vật kiến trúc | Máy móc thiết bị | Phương tiện vận tải | Thiết bị dụng cụ quản lý | Tổng cộng |
|--|------------------------|------------------|---------------------|--------------------------|----------------|
| Nguyên giá TSCĐ hữu hình | | | | | |
| Số dư đầu năm | 20.869.718.529 | 9.726.147.636 | 3.189.766.940 | 261.210.950 | 34.046.844.055 |
| - Mua sắm trong kỳ (*) | 0 | 0 | 2.935.661.818 | 0 | 2.935.661.818 |
| - Đầu tư XDCB hoàn thành (*) | 0 | 0 | 245.070.910 | 0 | 245.070.910 |
| - Tăng khác | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| - Chuyển sang BĐS đầu tư | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| - Thanh lý, nhượng bán (**) | 0 | 0 | 409.667.904 | 0 | 409.667.904 |
| - Giảm khác (***) | 0 | 0 | 250.433.127 | 0 | 250.433.127 |
| Số dư cuối kỳ | 20.869.718.529 | 9.726.147.636 | 5.710.398.637 | 261.210.950 | 36.567.475.752 |
| Giá trị hao mòn lũy kế | | | | | |
| Số dư đầu năm | 14.199.757.796 | 6.605.683.773 | 2.396.825.907 | 197.022.563 | 23.399.290.039 |
| - Khấu hao trong kỳ | 671.890.426 | 400.590.135 | 263.008.463 | 31.583.851 | 1.367.072.875 |
| - Tăng khác | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| - Chuyển sang BĐS đầu tư | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| - Thanh lý, nhượng bán (**) | 0 | 0 | 409.667.904 | 0 | 409.667.904 |
| - Giảm khác (***) | 0 | 0 | 250.433.127 | 0 | 250.433.127 |
| Số dư cuối kỳ | 14.871.648.222 | 7.006.273.908 | 1.999.733.339 | 228.606.414 | 24.106.261.883 |
| Giá trị còn lại của TSCĐ hữu hình | | | | | |
| - Tại ngày đầu năm | 6.669.960.733 | 3.120.463.863 | 792.941.033 | 64.188.387 | 10.647.554.016 |
| - Tại ngày cuối kỳ | 5.998.070.307 | 2.719.873.728 | 3.710.665.298 | 32.604.536 | 12.461.213.869 |

- Giá trị còn lại cuối kỳ của TSCĐ hữu hình dùng để thế chấp, cầm cố bảo đảm các khoản vay: không
- Nguyên giá TSCĐ hữu hình cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: **16.049.795.596 đồng**

Trong đó:

- Nhà cửa, vật kiến trúc: 9.267.019.131 đồng
- Máy móc thiết bị: 5.250.037.160 đồng
- Phương tiện vận tải: 1.565.436.454 đồng
- Thiết bị dụng cụ quản lý: 130.075.396 đồng

(*) - Tháng 03 năm 2020, hình thành nguyên giá tài sản cố định (Xe ô tô xi téc chờ xăng hiệu Isuzu, biển số 51D-63984). Thời gian phân bổ 10 năm (từ năm 2020 đến năm 2030).

- Tháng 05 năm 2020, hình thành nguyên giá tài sản cố định (Xe ô tô Toyota Camry, biển số 51F-111.55). Thời gian phân bổ 06 năm (từ năm 2020 đến năm 2026).

- Tháng 7 năm 2020, hình thành nguyên giá tài sản cố định (Đường ống phân phối nước - Trung An). Thời gian phân bổ 10 năm (từ năm 2020 đến năm 2030).

(**) Tháng 02 năm 2020, bán thanh lý xe ô tô tài biển số 57K-6565 theo Quyết định số 02/QĐ-HTC ngày 03/01/2020 của Tổng Giám đốc.

(***) Điều chỉnh giảm Nguyên giá; giá trị hao mòn xe ô tô con biển số 52T-1827 (Công ty mẹ bán cho Công ty con) theo Hồ sơ thanh lý tài sản của Công ty TNHH QL và KD Chợ Đầu Mối NSTP HM).

09- Tăng, giảm tài sản cố định vô hình:

| Khoản mục | Quyền sử dụng đất | Quyền phát hành | Bản quyền, bằng sáng chế | Tài sản vô hình khác | Tổng cộng |
|---|-------------------|-----------------|--------------------------|----------------------|----------------|
| Nguyên giá TSCĐ vô hình | | | | | |
| Số dư đầu năm | 32.665.789.534 | 0 | 0 | 0 | 32.665.789.534 |
| - Tăng khác | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| - Giảm khác | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| Số dư cuối kỳ | 32.665.789.534 | 0 | 0 | 0 | 32.665.789.534 |
| Giá trị hao mòn lũy kế | | | | | |
| Số dư đầu năm | 2.925.026.862 | 0 | 0 | 0 | 2.925.026.862 |
| - Khấu hao trong kỳ | 79.276.149 | 0 | 0 | 0 | 79.276.149 |
| - Tăng khác | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| - Thanh lý, nhượng bán | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| - Giảm khác | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| - Giảm khác | 3.004.303.011 | 0 | 0 | 0 | 3.004.303.011 |
| Giá trị còn lại của TSCĐ vô hình | | | | | |
| - Tại ngày đầu năm | 29.740.762.672 | 0 | 0 | 0 | 29.740.762.672 |
| - Tại ngày cuối kỳ | 29.661.486.523 | 0 | 0 | 0 | 29.661.486.523 |

* Giá trị còn lại cuối kỳ của TSCĐ vô hình dùng để thế chấp, cầm cố bảo đảm các khoản vay: không có thể chấp

* Nguyên giá TSCĐ vô hình cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 0 đồng

10- Tăng, giảm bất động sản đầu tư:

| Khoản mục | Số dư đầu năm | Tăng trong kỳ | Giảm trong kỳ | Số dư cuối kỳ |
|-------------------------------|-----------------------|--------------------|--------------------|-----------------------|
| Nguyên giá | 62.878.653.101 | 0 | 0 | 62.878.653.101 |
| - Nhà lồng chợ rau | 13.161.237.343 | 0 | 0 | 13.161.237.343 |
| - Nhà lồng chợ thịt | 7.512.905.862 | 0 | 0 | 7.512.905.862 |
| - Kho mát | 2.109.255.380 | 0 | 0 | 2.109.255.380 |
| - Cơ sở hạ tầng | 40.095.254.516 | 0 | 0 | 40.095.254.516 |
| Giá trị hao mòn lũy kế | 36.056.241.074 | 917.125.191 | 0 | 36.973.366.265 |
| - Nhà lồng chợ rau | 8.203.837.934 | 394.837.119 | 0 | 8.598.675.053 |
| - Nhà lồng chợ thịt | 3.656.280.876 | 225.387.180 | 0 | 3.881.668.056 |
| - Kho mát | 2.109.255.380 | 0 | 0 | 2.109.255.380 |
| - Cơ sở hạ tầng | 22.086.866.884 | 296.900.892 | 0 | 22.383.767.776 |
| Giá trị còn lại | 26.822.412.027 | 0 | 917.125.191 | 25.905.286.836 |
| - Nhà lồng chợ rau | 4.957.399.409 | 0 | 394.837.119 | 4.562.562.290 |
| - Nhà lồng chợ thịt | 3.856.624.986 | 0 | 225.387.180 | 3.631.237.806 |
| - Kho mát | 0 | 0 | 0 | 0 |
| - Cơ sở hạ tầng | 18.008.387.632 | 0 | 296.900.892 | 17.711.486.740 |

- UBND Thành phố Hồ Chí Minh ban hành QĐ số 4942/QĐ-UBND ngày 07/10/2014 về việc quyết toán dự án Chợ đầu mối phía Bắc Thành phố.

- Nguồn vốn ngân sách cấp là: **29.626.768.849 đồng**

- Nguyên giá Bất động sản đầu tư cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: **2.597.278.781 đồng**

Trong đó: - Kho mát: **2.109.255.380 đồng**

- Cơ sở hạ tầng: **488.023.401 đồng**

| 11- Chi phí trả trước: | Số cuối kỳ | Số đầu năm |
|--|-----------------------|----------------------|
| 11.1 Ngắn hạn | 949.207.992 | 1.297.066.757 |
| - Trang bị bảng quảng cáo | 27.942.024 | 189.368.375 |
| - Trang bị máy vi tính, máy in | 27.223.185 | 14.623.018 |
| - Bảo hiểm các cửa hàng xăng dầu | 48.960.667 | 78.073.289 |
| - Bảo hiểm nhà lồng Chợ Dầu mỗi | 120.203.471 | 86.984.963 |
| - Thâm bê tông nhựa đường tại CHXD | 21.776.112 | 0 |
| - Chi phí sơn mới mặt tiền Chợ | 10.981.688 | 109.816.880 |
| - Chi phí sửa chữa hệ thống nước sạch Cty Chợ | 57.677.778 | 317.227.779 |
| - Chi phí thi công hệ thống camera Chợ Rau | 157.316.250 | 0 |
| - Chi phí khác | 477.126.817 | 500.972.453 |
| 11.2 Dài hạn | 10.234.893.239 | 6.111.579.506 |
| - Phí thuê diện tích đất - Trạm cung cấp nước sạch (*) | 4.364.442.883 | 4.437.318.556 |
| - Cải tạo đường giao thông bằng bê tông cốt thép (khu 1 và khu 4) Chợ ĐM NSTP HM | 3.679.131.045 | 0 |
| - Chi phí sửa chữa Chợ ĐM NSTP HM | 1.789.954.312 | 1.141.832.166 |
| - In vé nhập chợ các loại | 272.093.500 | 201.884.500 |
| - Chi phí khác | 129.271.499 | 330.544.284 |
| Cộng chi phí trả trước | 11.184.101.231 | 7.408.646.263 |

(*) Thời gian phân bổ 50 năm được quy định tại văn bản thỏa thuận ngày 24/08/2015.

12- Phải trả người bán:

| 12.1 Phải trả người bán ngắn hạn | Số cuối kỳ | Số đầu năm |
|--|-----------------------|-----------------------|
| - Cty TNHH Huy Long | 3.769.610.000 | 462.970.000 |
| - Cty CP tư vấn TM DV Địa ốc Hoàng Quân | 5.000.000.000 | 5.000.000.000 |
| - Cty Môi trường Đô Thị TP.HCM | 242.000.000 | 224.000.000 |
| - Cty DV TM SX E-Home Camera | 9.888.450 | 33.892.925 |
| - Cty TNHH XD CT GT Cường Lộc | 301.400.810 | 32.041.279 |
| - DNTN vận chuyển xăng dầu (Trí Vỹ, An Hiếu) | 153.610.000 | 180.460.000 |
| - Cty TNHH DV XD Thiên Hải | 191.796.145 | 100.521.635 |
| - Cty TNHH MTV ĐT XD An Phước Thịnh | 3.754.117.822 | 0 |
| - Phải trả cho đối tượng khác | 231.950.170 | 549.469.395 |
| Cộng | 13.654.373.397 | 6.583.355.234 |
| 12.2 Trả trước cho người bán ngắn hạn | Số cuối kỳ | Số đầu năm |
| - Cty TNHH MTV ĐT XD An Phước Thịnh | 0 | 9.766.344.892 |
| - Cty TNHH TK XD Điểm Kiến Trúc | 379.500.000 | 0 |
| - Cty TNHH TV ĐT XD Đất Ngọc | 577.290.000 | 0 |
| - Cty Thoát nước Đô thị TP.HCM | 208.246.500 | 0 |
| - Các nhà cung cấp khác | 640.264.590 | 358.101.000 |
| Cộng | 1.805.301.090 | 10.124.445.892 |

13- Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước:

| Chỉ tiêu | Số đầu năm | | Số phải nộp lũy kể từ đầu năm | Số đã nộp lũy kể từ đầu năm | Số cuối kỳ | |
|---|----------------------|----------------------|-------------------------------|-----------------------------|----------------------|----------------------|
| | Phải thu | Phải nộp | | | Phải thu | Phải nộp |
| 13.1 Phải nộp | | | | | | |
| - Thuế giá trị gia tăng | 0 | 1.215.817.793 | 8.454.564.809 | 8.974.056.330 | 0 | 696.326.272 |
| - Thuế thu nhập doanh nghiệp | 1.303.933.531 | 1.818.413.153 | 6.127.742.465 | 7.590.007.405 | 1.346.433.531 | 398.648.213 |
| + Thuế thu nhập doanh nghiệp từ hoạt động sản xuất kinh doanh | 0 | 1.818.413.153 | 5.722.382.493 | 7.142.147.433 | 0 | 398.648.213 |
| + Thuế thu nhập doanh nghiệp từ hoạt động chuyển nhượng bất động sản (*) | 1.303.933.531 | 0 | 405.359.972 | 447.859.972 | 1.346.433.531 | 0 |
| - Thuế tiêu thụ đặc biệt | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| - Thuế môn bài | 0 | 0 | 21.000.000 | 21.000.000 | 0 | 0 |
| - Thuế thu nhập cá nhân | 0 | 593.041.951 | 1.711.609.740 | 2.607.941.870 | 307.040.179 | 3.750.000 |
| + Thuế thu nhập cá nhân từ tiền lương - tiền công | | 510.774.136 | 1.451.567.445 | 2.269.381.760 | 307.040.179 | 0 |
| + Thuế thu nhập cá nhân (từ đầu tư vốn) | 0 | 82.267.815 | 260.042.295 | 338.560.110 | 0 | 3.750.000 |
| - Thuế tài nguyên | 0 | 1.567.860 | 16.791.530 | 15.293.390 | 0 | 3.066.000 |
| - Thuế nhà đất | 0 | 0 | 68.780.490 | 68.780.490 | 0 | 0 |
| - Tiền thuê đất | 0 | 0 | 554.356.738 | 420.243.178 | 0 | 134.113.560 |
| - Các khoản phải nộp khác (lệ phí trước bạ, tiền phạt chậm nộp, tiền phạt vi phạm hành chính) | 0 | 0 | 645.247.765 | 645.247.765 | 0 | 0 |
| Cộng | 1.303.933.531 | 3.628.840.757 | 17.600.093.537 | 20.342.570.428 | 1.653.473.710 | 1.235.904.045 |

(*) Thuế thu nhập doanh nghiệp từ hoạt động chuyển nhượng bất động sản:

- Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20%.
- Công ty đã tạm nộp thuế Thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 1% trên số tiền nhận trước từ hoạt động chuyển nhượng Bất động sản tại dự án Khu nhà ở Xuân Thới Đông theo quy định tại thông tư 78/2014/TT- BTC ngày 18 tháng 6 năm 2014 của Bộ Tài Chính. Công ty sẽ quyết toán lại số thuế TNDN phải nộp cho hoạt động này khi bàn giao bất động sản.

| 14- Các khoản phải trả khác: | Số cuối kỳ | Số đầu năm |
|--|-----------------------|-----------------------|
| 14.1 Phải trả ngắn hạn khác | 1.239.263.674 | 360.303.762 |
| - Cty CP TM DV Địa ốc Hoàng Quân | 831.758.712 | 0 |
| - Tiền đền bù và tiền lãi của bà Trần Thị Ve (KDC-Phần đất ao) | 222.165.900 | 222.165.900 |
| - Tài sản thừa chờ giải quyết | 56.117.999 | 56.117.999 |
| - Tiền thuê đất CHXD Tân Hiệp 2 (Quý 4/2020) | 71.250.000 | 0 |
| - Kinh phí công đoàn | 15.218.052 | 15.218.052 |
| - Các khoản phải trả khác | 42.753.011 | 66.801.811 |
| 14.2 Phải trả dài hạn khác | 56.547.226.833 | 53.459.726.833 |
| - Đăng ký quyền mua sản phẩm (Dự án Khu nhà ở tại xã Xuân Thới Đông) (*) | 52.437.911.000 | 49.687.911.000 |
| - Nhận ký quỹ, ký cược tiền cho thuê Kios | 770.000.000 | 835.000.000 |
| - Cty TNHH MTV ĐT XD An Phước Thịnh | 2.645.200.000 | 2.645.200.000 |
| - Các khoản phải trả, phải nộp khác | 694.115.833 | 291.615.833 |
| Cộng | 57.786.490.507 | 53.820.030.595 |

(*) Là khoản tiền nhận đặt cọc của các cá nhân đăng ký quyền mua sản phẩm Dự án khu nhà ở tại xã Xuân Thới Đông.

| 15- Doanh thu chưa thực hiện: | Số cuối kỳ | Số đầu năm |
|---|------------------------|------------------------|
| 15.1 Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn | 386.621.520 | 116.050.001 |
| - Doanh thu chưa thực hiện - Kho mát | 230.060.000 | 95.900.000 |
| - Doanh thu chưa thực hiện - Cho thuê Mặt bằng | 133.216.240 | 900.000 |
| - Doanh thu chưa thực hiện - Khu pha lóc | 5.285.280 | 0 |
| - Doanh thu chưa thực hiện - Cho thuê Nông sản CR | 1.060.000 | 0 |
| - Doanh thu chưa thực hiện - Chợ Thịt | 14.000.000 | 14.000.000 |
| - Doanh thu chưa thực hiện - Hầm đất | 0 | 5.250.001 |
| - Doanh thu chưa thực hiện - Vị trí quảng cáo (Bến Thành) | 3.000.000 | 0 |
| 15.2 Doanh thu chưa thực hiện dài hạn | 101.041.123.275 | 102.815.312.470 |
| - Doanh thu chưa thực hiện - Chợ Rau | 53.548.782.918 | 54.749.712.218 |
| - Doanh thu chưa thực hiện - Chợ Thịt | 28.104.290.975 | 28.669.516.724 |
| - Doanh thu chưa thực hiện - Kios | 17.652.008.772 | 17.631.108.908 |
| - Doanh thu chưa thực hiện - Cho thuê Căn-tin | 1.736.040.610 | 1.764.974.620 |
| Cộng doanh thu chưa thực hiện | 101.427.744.795 | 102.931.362.471 |

| 16- Tài sản thuế TN hoãn lại và thuế TN hoãn lại phải trả: | Số cuối kỳ | Số đầu năm |
|--|--------------------|--------------------|
| 16.1- Tài sản thuế Thu nhập hoãn lại | 454.379.110 | 454.379.110 |
| - Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ (*) | 454.379.110 | 454.379.110 |
| 16.2- Thuế thu nhập hoãn lại phải trả | 0 | 212.850.553 |
| - Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế | 0 | 212.850.553 |

(*) Là khoản nộp tạm 1% trên số tiền nhận ký quỹ, ký cược của người mua từ hoạt động chuyển nhượng Bất động sản tại Dự án Khu nhà ở tại xã Xuân Thới Đông.

17- **Vốn chủ sở hữu:**

a- **Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu:**

| Chi tiêu | Các khoản mục thuộc vốn chủ sở hữu | | | |
|----------------------------------|------------------------------------|-----------------------|--------------------------|-----------------|
| | Vốn đầu tư của chủ sở hữu | Quỹ Đầu tư phát triển | Lợi nhuận chưa phân phối | Cộng |
| A | 1 | 2 | 3 | 4 |
| Số dư đầu năm trước | 110.000.000.000 | 91.629.157.418 | 34.693.371.319 | 236.322.528.737 |
| - Tăng vốn trong năm trước | 0 | 19.267.577.175 | 0 | 19.267.577.175 |
| - Lãi trong năm trước (sau thuế) | 0 | 0 | 38.922.099.362 | 38.922.099.362 |
| - Tăng khác | 0 | 0 | 0 | 0 |
| - Trích lập các quỹ | 0 | 0 | 27.974.295.250 | 27.974.295.250 |
| - Lỗ trong năm trước | 0 | 0 | 0 | 0 |
| - Chi cổ tức | 0 | 0 | 16.500.000.000 | 16.500.000.000 |
| Số dư cuối năm trước | 110.000.000.000 | 110.896.734.593 | 29.141.175.431 | 250.037.910.024 |
| Số dư đầu năm nay | 110.000.000.000 | 110.896.734.593 | 29.141.175.431 | 250.037.910.024 |
| - Tăng trong kỳ | 0 | 2.010.441.800 | 0 | 2.010.441.800 |
| - Lãi trong kỳ | 0 | 0 | 29.903.466.474 | 29.903.466.474 |
| - Tăng khác | 0 | 0 | 0 | 0 |
| - Trích lập các quỹ | 0 | 0 | 9.870.906.981 | 9.870.906.981 |
| - Chi cổ tức | 0 | 0 | 9.900.000.000 | 9.900.000.000 |
| Số dư cuối kỳ | 110.000.000.000 | 112.907.176.393 | 39.273.734.924 | 262.180.911.317 |

b- **Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu:**

| | Số cuối kỳ | Số đầu năm |
|---|------------------------|------------------------|
| - Vốn góp của Nhà nước (TCty Bến Thành) | 26.243.000.000 | 26.243.000.000 |
| - Vốn góp của các đối tượng khác | 83.757.000.000 | 83.757.000.000 |
| Cộng | 110.000.000.000 | 110.000.000.000 |

c- **Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận:**

| | Năm 2020 | Năm 2019 |
|------------------------------------|------------------------|------------------------|
| - Vốn đầu tư của chủ sở hữu | | |
| + <i>Vốn góp đầu năm</i> | <i>110.000.000.000</i> | <i>110.000.000.000</i> |
| + <i>Vốn góp tăng trong kỳ</i> | <i>0</i> | <i>0</i> |
| + <i>Vốn góp giảm trong kỳ</i> | <i>0</i> | <i>0</i> |
| + <i>Vốn góp cuối kỳ</i> | <i>110.000.000.000</i> | <i>110.000.000.000</i> |
| | 09TH - 2020 | 09TH - 2019 |
| - Cổ tức, lợi nhuận đã chia | 9.900.000.000 | 13.200.000.000 |
| + <i>Cổ tức năm 2018</i> | | <i>6.600.000.000</i> |
| + <i>Cổ tức năm 2019</i> | <i>6.600.000.000</i> | <i>6.600.000.000</i> |
| + <i>Cổ tức năm 2020</i> | <i>3.300.000.000</i> | |

| <i>d- Cổ phiếu</i> | Số cuối kỳ | Số đầu năm |
|--|--------------------------|--------------------------|
| - Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành | 11.000.000 | 11.000.000 |
| - Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng | 11.000.000 | 11.000.000 |
| + Cổ phiếu phổ thông | 11.000.000 | 11.000.000 |
| - Số lượng cổ phiếu đang lưu hành | 11.000.000 | 11.000.000 |
| + Cổ phiếu phổ thông | 11.000.000 | 11.000.000 |
| * Mệnh giá cổ phiếu | 10.000 đ/cổ phiếu | 10.000 đ/cổ phiếu |

| <i>e- Các quỹ của doanh nghiệp</i> | Số cuối kỳ | Số đầu năm |
|------------------------------------|------------------------|------------------------|
| - Quỹ đầu tư phát triển | 112.907.176.393 | 110.896.734.593 |
| - Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu | 0 | 0 |
| Cộng | 112.907.176.393 | 110.896.734.593 |

* Mục đích trích lập và sử dụng các quỹ của DN: Các quỹ trên được sử dụng vào các mục đích theo quy định của chế độ kế toán hiện hành, theo điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty.

f- Thu nhập và chi phí, lãi hoặc lỗ được ghi nhận trực tiếp vào Vốn chủ sở hữu theo quy định của các chuẩn mực kế toán cụ thể

| 18- Quỹ khen thưởng, phúc lợi: | Số cuối kỳ | Số đầu năm |
|---------------------------------------|--------------------|--------------------|
| - Quỹ khen thưởng, phúc lợi | 4.413.678.909 | 4.680.756.717 |
| <i>Trong đó: - Quỹ phúc lợi</i> | <i>510.827.577</i> | <i>870.007.208</i> |

| 19- Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ: | Số cuối kỳ | Số đầu năm |
|---|------------|-----------------------|
| - Nguồn kinh phí còn lại đầu năm | | 12.510.497.370 |
| - Nguồn kinh phí được cấp trong kỳ | | 0 |
| Nguồn kinh phí cuối kỳ | | 12.510.497.370 |

| 20- Các khoản mục ngoài bảng cân đối: | Số cuối kỳ | Số đầu năm |
|--|------------|------------|
| - Nợ khó đòi đã xử lý | 70.946.464 | 70.946.464 |

21- Các thông tin khác do công ty tự thuyết minh, giải thích:



VI- THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

| | <u>Kỳ này</u> | | <u>Lấy kể từ đầu năm</u> | |
|--|------------------------|------------------------|--------------------------|--------------------------|
| | <u>Quý III - 2020</u> | <u>Quý III - 2019</u> | <u>Năm 2020</u> | <u>Năm 2019</u> |
| 1- Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ (Mã số 01) | | | | |
| Trong đó: | | | | |
| + <i>Doanh thu bán hàng</i> | 270.631.360.634 | 210.282.848.456 | 1.182.054.861.230 | 1.028.447.349.466 |
| * Xăng dầu, nhớt các loại | 268.112.582.844 | 207.770.814.674 | 1.174.748.063.020 | 1.020.686.055.594 |
| * Hàng ăn uống | 0 | 136.246.362 | 0 | 903.140.002 |
| * Điện, nước sinh hoạt | 2.518.777.790 | 2.375.787.420 | 7.306.798.210 | 6.858.153.870 |
| + <i>Doanh thu bán thành phẩm</i> | 0 | 4.815.002.334 | 2.337.095.702 | 4.815.002.334 |
| * Bán nền dự án Khu Dân cư | 0 | 4.815.002.334 | 2.337.095.702 | 4.815.002.334 |
| + <i>Doanh thu cung cấp dịch vụ</i> | 31.713.183.624 | 31.229.875.576 | 93.609.645.297 | 89.987.867.691 |
| * Cho thuê mặt bằng | 2.253.895.487 | 2.353.469.133 | 6.882.470.131 | 6.809.449.865 |
| * Dịch vụ hoạt động Chợ | 29.459.288.137 | 28.876.406.443 | 86.727.175.166 | 83.178.417.826 |
| + <i>Doanh thu cho thuê BĐS đầu tư</i> | 914.014.151 | 997.863.723 | 2.801.646.137 | 2.845.962.849 |
| * Chợ Rau | 399.883.100 | 400.523.100 | 1.200.929.300 | 1.201.569.300 |
| * Chợ thịt | 514.131.051 | 597.340.623 | 1.600.716.837 | 1.644.393.549 |
| Cộng | 303.258.558.409 | 247.325.590.089 | 1.280.803.248.366 | 1.126.096.182.340 |
| 2- Các khoản giảm trừ doanh thu (Mã Số 02) | | | | |
| + Thuế tiêu thụ đặc biệt | 0 | 20.979 | 0 | 251.748 |
| Cộng | 0 | 20.979 | 0 | 251.748 |
| 3- Giá vốn hàng bán (Mã số 11) | | | | |
| - <i>Giá vốn của hàng hóa đã bán</i> | 271.242.734.104 | 210.763.967.305 | 1.186.351.932.442 | 1.030.432.977.076 |
| + Xăng dầu, nhớt các loại | 260.272.685.328 | 200.131.088.812 | 1.154.458.772.352 | 998.266.826.375 |
| + Hàng ăn uống | 0 | 56.947.779 | 0 | 462.231.607 |
| + Giá vốn bán điện, nước | 1.448.230.061 | 1.364.090.510 | 4.078.875.024 | 3.994.664.120 |
| + Giá vốn hoạt động dịch vụ chợ | 9.521.818.715 | 9.211.840.204 | 27.814.285.066 | 27.709.254.974 |
| - <i>Giá vốn bán nền</i> | 0 | 638.573.065 | 310.295.844 | 638.573.065 |
| - <i>Giá vốn cho thuê BĐS đầu tư</i> | 305.708.397 | 305.708.397 | 917.125.191 | 917.125.191 |
| - <i>Hao hụt mất mát hàng tồn kho</i> | 267.279.177 | 444.060.127 | 766.264.986 | 1.269.105.811 |
| Cộng | 271.815.721.678 | 212.152.308.894 | 1.188.345.618.463 | 1.033.257.781.143 |
| 4- Doanh thu hoạt động tài chính (Mã số 21) | | | | |
| - Lãi tiền gửi ngân hàng | 1.810.506.296 | 2.184.603.734 | 5.501.918.331 | 7.585.450.532 |
| Trong đó: <i>Lãi tiền gửi kỳ quỹ Dự án KNO XTD</i> | 116.207.043 | 135.603.497 | 379.786.093 | 1.456.714.870 |
| - Lãi bán chứng khoán kinh doanh | 0 | 0 | 0 | 71.854.459 |
| - Cổ tức được chia | 0 | 15.000 | 0 | 34.632.800 |
| - Doanh thu hoạt động tài chính khác | 0 | 1.473.696 | 0 | 12.092.769 |
| Cộng | 1.810.506.296 | 2.186.092.430 | 5.501.918.331 | 7.704.030.560 |



| 5- Chi phí tài chính (Mã số 22) | Kỳ này | | Lũy kế từ đầu năm | |
|---|--------------------|----------------------|----------------------|----------------------|
| | Quý III - 2020 | Quý III - 2019 | Năm 2020 | Năm 2019 |
| - Lãi vay | 588.958.746 | 821.904.153 | 1.572.856.179 | 2.960.909.952 |
| - Dự phòng tổn thất đầu tư dài hạn | 0 | 78.238.342 | 0 | 78.238.342 |
| - Dự phòng giảm giá chứng khoán | 0 | 0 | 2.200 | 984.206.801 |
| - Hoàn nhập dự phòng giảm giá chứng khoán | (120) | (2.361.871.296) | (3.280) | (2.942.662.534) |
| - Lỗ kinh doanh chứng khoán | 0 | 2.649.169.220 | 0 | 3.161.893.797 |
| - Chi phí bán chứng khoán kinh doanh | 0 | 3.824.829 | 0 | 7.766.055 |
| Cộng | 588.958.626 | 1.191.265.248 | 1.572.855.099 | 4.250.352.413 |

| 6- Thu nhập khác (Mã số 31) | | | | |
|---|-------------------|--------------------|-------------------|--------------------|
| - Tiền phạt vi phạm hợp đồng, bồi thường, hỗ trợ di dời | 0 | 79.805.112 | 9.959.789 | 93.941.247 |
| - Thanh lý tài sản, công cụ, bán phế liệu | 0 | 50.000.000 | 31.818.182 | 80.454.545 |
| - Chi phí hồ sơ chuyển nhượng sạp | 7.862.458 | 32.282.752 | 30.325.705 | 41.126.852 |
| - Các khoản thu khác | 16.094.878 | 352.604 | 22.544.615 | 3.762.159 |
| Cộng | 23.957.336 | 162.440.468 | 94.648.291 | 219.284.803 |

| 7- Chi phí khác (Mã số 32) | | | | |
|--------------------------------|----------|----------|--------------------|----------|
| - Tiền phạt, truy thu thuế (*) | 0 | 0 | 626.383.038 | 0 |
| - Thanh lý tài sản cố định | 0 | 0 | 0 | 0 |
| - Chi phí khác (**) | 0 | 0 | 97.200.000 | 0 |
| Cộng | 0 | 0 | 723.583.038 | 0 |

(*) Ngày 08 tháng 06 năm 2020, Cục Thuế TP.HCM ban hành Quyết định số 2012/QĐ-CT về việc xử phạt vi phạm hành chính về thuế cho năm 2018 và 2019 và Thông báo số 13298/TB-CT ngày 15 tháng 06 năm 2020 về việc nộp bổ sung tiền chậm nộp tiền thuế qua thanh tra thuế.

(**) Thanh lý hợp đồng số 129/2019/HĐTV-ACCCO ngày 18/10/2019 về hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công trụ sở VP mới.

| 8- Chi phí bán hàng (Mã số 25) | | | | |
|------------------------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|
| - Chi phí nhân công | 7.890.115.877 | 8.137.302.939 | 23.625.788.158 | 22.387.985.811 |
| - Chi phí vật liệu | 91.553.500 | 100.017.545 | 279.441.000 | 288.090.940 |
| - Chi phí công cụ, dụng cụ | 121.139.139 | 103.094.544 | 280.698.786 | 327.755.213 |
| - Chi phí khấu hao tài sản cố định | 420.440.777 | 495.783.111 | 1.210.531.881 | 1.458.629.084 |
| - Chi phí dịch vụ mua ngoài | 2.359.209.106 | 2.379.550.388 | 6.277.528.877 | 6.467.691.278 |
| - Chi phí khác bằng tiền | 319.393.652 | 111.799.972 | 542.240.327 | 1.222.601.027 |
| Cộng | 11.201.852.051 | 11.327.548.499 | 32.216.229.029 | 32.152.753.353 |

| 9- Chi phí quản lý doanh nghiệp (Mã số 26) | | | | |
|--|----------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|
| - Chi phí nhân công | 6.514.545.044 | 7.937.398.097 | 18.809.103.532 | 19.238.807.447 |
| - Chi phí vật liệu quản lý | 51.865.154 | 54.114.013 | 154.087.678 | 172.358.525 |
| - Chi phí công cụ, dụng cụ | 55.490.303 | 49.766.782 | 201.625.368 | 193.692.876 |
| - Chi phí khấu hao tài sản cố định (*) | 100.273.701 | 113.492.814 | 235.817.143 | 333.795.386 |
| - Thuế, phí và lệ phí | 134.113.560 | 134.113.560 | 644.137.228 | 645.433.691 |
| Trong đó: Tiền thuê đất Chợ Dầu Mối (**) | 134.113.560 | 134.113.560 | 402.340.682 | 402.340.682 |
| - Chi phí dịch vụ mua ngoài | 973.655.011 | 2.284.932.597 | 3.664.218.927 | 4.684.176.022 |
| - Chi phí khác bằng tiền | 1.645.146.899 | 1.455.623.587 | 5.078.433.860 | 4.104.790.517 |
| Trong đó: Thù lao của HĐQT & Thư ký | 167.000.000 | 189.000.000 | 545.000.000 | 567.000.000 |
| Thù lao của Ban Kiểm Soát | 66.000.000 | 66.000.000 | 198.000.000 | 198.000.000 |
| Chi phí khác | 1.412.146.899 | 1.200.623.587 | 4.335.433.860 | 3.339.790.517 |
| Cộng | 9.475.089.672 | 12.029.441.450 | 28.787.423.736 | 29.373.054.464 |

(*) Căn cứ vào Biên bản xác nhận số liệu thanh tra của Đoàn thanh tra thuế thời kỳ năm 2018-2019, có nêu "do Công ty Cổ Phần Thương Mại Hóc Môn chưa làm thủ tục sang tên số đo đối với Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 180303 cấp ngày 11/10/2002 của UBND Huyện Hóc Môn, mảnh đất này Công ty sử dụng không đúng mục đích".

(**) Ngày 15 tháng 04 năm 2020, Chi Cục Thuế Hóc Môn ban hành Thông báo số 02/TB-TBq về việc nộp tiền thuê đất kỳ 1/2020 tại Chợ Dầu Mối NSTP, với số tiền là 268.227.122 đồng.

| | <u>Kỳ này</u> | | <u>Lũy kế từ đầu năm</u> | |
|---|------------------------|------------------------|--------------------------|-------------------------|
| | Quý III - 2020 | Quý III - 2019 | Năm 2020 | Năm 2019 |
| ** Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố | | | | |
| - Chi phí nguyên liệu, vật liệu, công cụ | 391.142.096 | 306.992.884 | 6.147.297.610 | 981.897.554 |
| - Chi phí nhân công | 23.430.908.319 | 16.074.701.036 | 46.300.788.310 | 41.626.793.258 |
| - Chi phí khấu hao tài sản cố định | 826.422.875 | 914.984.322 | 2.363.474.215 | 2.709.549.661 |
| - Chi phí dịch vụ mua ngoài | 3.757.341.434 | 4.664.482.985 | 8.248.521.962 | 11.151.867.300 |
| - Chi phí khác bằng tiền | 2.098.654.111 | 1.701.537.119 | 6.264.811.415 | 5.972.825.235 |
| Cộng | 30.504.468.835 | 23.662.698.346 | 69.324.893.512 | 62.442.933.008 |
| 10- Chi phí thuế TNDN hiện hành (Mã số 51) | | | | |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong kỳ được dự tính như sau: | Quý III - 2020 | Quý III - 2019 | Năm 2020 | Năm 2019 |
| Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế | 12.316.117.033 | 13.766.526.538 | 35.818.358.386 | 36.597.590.858 |
| Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế TNDN | 196.812.392 | 1.155.733.220 | 1.305.358.493 | 1.436.548.513 |
| - Các khoản điều chỉnh tăng | 196.812.392 | 1.155.748.220 | 1.305.358.493 | 1.471.181.313 |
| <i>Trong đó: - Thủ lao HDQT và BKS</i> | <i>138.000.000</i> | <i>138.000.000</i> | <i>414.000.000</i> | <i>414.000.000</i> |
| - Các khoản điều chỉnh giảm | 0 | (15.000) | 0 | (34.632.800) |
| <i>Trong đó: - Lợi nhuận sau thuế Cty Chợ chuyển về</i> | <i>(5.941.480.784)</i> | <i>(4.849.520.721)</i> | <i>(15.361.966.951)</i> | <i>(13.408.285.013)</i> |
| Thu nhập chịu thuế | 12.512.929.425 | 14.922.259.758 | 37.123.716.879 | 38.034.139.371 |
| Thuế suất thuế TNDN | 20% | 20% | 20% | 20% |
| Thuế TNDN phát sinh | 2.502.585.885 | 2.984.451.951 | 7.424.743.376 | 7.606.827.873 |
| <i>Trong đó: - Công ty CP TM Hóc Môn</i> | <i>878.575.634</i> | <i>1.367.945.045</i> | <i>2.506.665.457</i> | <i>3.137.399.537</i> |
| - Công ty TNHH QL&KD Chợ Dầu Mối NSTP HM | 1.624.010.251 | 1.616.506.906 | 4.918.077.919 | 4.469.428.336 |
| Thuế TNDN năm 2018 và 2019 bị truy thu | 0 | 0 | 170.696.282 | 0 |
| Thuế TNDN nộp bổ sung của các năm trước | 0 | 0 | 7.726.182 | 0 |
| Chi phí thuế TNDN được giảm 30% (theo Nghị quyết 116/2020/QH14 ngày 19/6/2020) của Công ty TNHH QL&KD Chợ Dầu Mối NSTP HM | (1.475.423.375) | 0 | (1.475.423.375) | 0 |
| Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành | 1.027.162.510 | 2.984.451.951 | 6.127.742.465 | 7.606.827.873 |
| 11- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại | | | | |
| Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời phải chịu thuế | (60.943.404) | (158.597.724) | (212.850.553) | (322.457.255) |
| Tổng chi phí thuế TNDN hoãn lại | (60.943.404) | (158.597.724) | (212.850.553) | (322.457.255) |
| 12- Lãi cơ bản trên cổ phiếu | | | | |
| Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp của cổ đông công ty mẹ | 11.349.897.927 | 10.940.672.311 | 29.903.466.474 | 29.313.220.240 |
| Các khoản tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông: | (2.383.478.564) | (2.208.921.739) | (6.279.727.960) | (5.918.339.167) |
| - Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (*) | (2.269.979.585) | (2.042.623.520) | (5.980.693.295) | (5.472.778.219) |
| - Trích quỹ khen thưởng Ban điều hành (*) | (113.498.979) | (166.298.219) | (299.034.665) | (445.560.948) |
| Lợi nhuận tính lãi cơ bản trên cổ phiếu | 8.966.419.363 | 8.731.750.572 | 23.623.738.514 | 23.394.881.073 |
| Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm | 11.000.000 | 11.000.000 | 11.000.000 | 11.000.000 |
| Lãi cơ bản trên cổ phiếu | 815 | 794 | 2.148 | 2.127 |

(*) Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 53/2020/NQ-DHDCD ngày 12 tháng 06 năm 2020, Công ty thực hiện tạm tính số Quỹ khen thưởng, Phúc lợi, Ban Điều hành căn trích từ lợi nhuận sau thuế với tỷ lệ 21% theo kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2020 và sẽ được điều chỉnh lại khi có Nghị quyết chính thức của Đại hội đồng cổ đông.

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYÊN TIỀN TỆ

| | <u>Kỳ này</u> | | <u>Lũy kế từ đầu năm</u> | |
|------------------------|-----------------|-----------------|--------------------------|-----------------|
| | Quý III - 2020 | Quý III - 2019 | Năm 2020 | Năm 2019 |
| 1- Thu tiền từ đi vay | 104.824.631.865 | 283.306.974.091 | 345.962.048.279 | 472.969.895.182 |
| 2- Trả tiền nợ gốc vay | 101.728.604.865 | 311.385.342.612 | 339.048.048.279 | 495.002.339.182 |

VIII. THÔNG TIN BỔ SUNG KHÁC

- 1- Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán:
- 2- Thông tin các bên liên quan:

| STT | Bên Liên Quan | Mối quan hệ |
|-----|---|---|
| 01 | Công ty TNHH Quản lý và kinh doanh Chợ đầu mối nông sản thực phẩm Hóc Môn | Công ty con, vốn góp: tỷ lệ vốn góp 100% |
| 02 | Công ty Cổ phần Chế biến Thực Phẩm Hóc Môn | Công ty liên kết, vốn góp: tỷ lệ vốn góp 35,00% |
| 03 | Ông Tô Văn Liêm | Vừa là Phó Tổng Giám đốc của Công ty Cổ Phần Thương Mại Hóc Môn vừa làm Giám đốc bên Công ty Cổ Phần Chế biến Thực phẩm Hóc Môn (Công ty liên kết). |
| 04 | Ông Nguyễn Tiến Dũng | Vừa là Phó Tổng Giám đốc của Công ty Cổ Phần Thương Mại Hóc Môn vừa làm Giám đốc bên Công ty TNHH QL và KD Chợ Đầu mối NSTP Hóc Môn (Công ty con). (Căn cứ theo Quyết định số 67/HĐQT-QĐ ngày 29/06/2020). |

| Các nghiệp vụ phát sinh trong kỳ với Công ty con | Quý III - 2020 | Quý III - 2019 | Lũy kế từ đầu năm 2020 | Lũy kế từ đầu năm 2019 |
|--|----------------|----------------|------------------------|------------------------|
| - Phải thu lợi nhuận từ Công ty con | 5.941.480.784 | 4.849.520.721 | 15.361.966.951 | 13.408.285.013 |
| - Đã thu lợi nhuận từ Công ty con | 4.668.313.622 | 4.355.718.221 | 14.106.177.350 | 12.260.508.582 |
| - Phải thu tiền cho thuê ô vựa thu hộ | 2.319.315.158 | 2.248.786.176 | 6.484.734.748 | 6.946.641.316 |
| - Đã thu tiền cho thuê ô vựa thu hộ | 2.053.782.313 | 2.106.324.089 | 6.819.872.126 | 7.464.726.675 |
| - Phải thu tiền lãi trả chậm chợ thịt | 0 | 1.473.696 | 0 | 12.092.769 |
| - Đã thu tiền lãi trả chậm chợ thịt | 0 | 1.473.696 | 0 | 16.204.077 |
| - Phải thu tiền cho thuê mặt bằng | 2.310.039.600 | 2.201.100.000 | 6.930.118.800 | 6.603.300.000 |
| - Đã thu tiền cho thuê mặt bằng | 2.310.039.600 | 2.201.100.000 | 6.930.118.800 | 6.603.300.000 |
| - Doanh thu | 2.121.120.682 | 2.021.456.907 | 6.359.060.132 | 6.066.261.217 |
| - Giá vốn | 3.417.523 | 3.827.891 | 9.384.763 | 11.618.513 |
| - Chi phí | 2.117.703.159 | 2.017.629.016 | 6.349.675.369 | 6.054.642.704 |

| Số dư cuối kỳ với Công ty con | Tại ngày 30 tháng 09 năm 2020 | Tại ngày 30 tháng 09 năm 2019 |
|--|-------------------------------|-------------------------------|
| - Lợi nhuận còn phải thu Công ty con | 5.941.480.784 | 4.849.520.721 |
| - Phải thu tiền cho thuê ô vựa còn phải thu hộ | 1.412.259.852 | 1.258.695.931 |
| - Phải thu tiền lãi trả chậm chợ thịt | 0 | 0 |
| - Phải trả tiền vay ngắn hạn Công ty con | 20.000.000.000 | 20.000.000.000 |
| - Phải trả lãi tiền vay Công ty con | 247.595.891 | 195.020.586 |

3- Trình bày doanh thu, kết quả kinh doanh từng bộ phận (Quý III năm 2020):

| CHỈ TIÊU | Thương mại | | | Dịch vụ | | | Cho thuê mặt bằng và bất động sản | Chuyển nhượng bất động sản | Tổng cộng |
|---|----------------------|----------------------|----------------------|-------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------------------|----------------------------|-----------------------|
| | Cty Cổ phần | Cty Chợ | Cộng | Cty Cổ phần | Cty Chợ | Cộng | | | |
| Kỳ này | 1 | 2 | 3 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 |
| Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 268.112.582.844 | 2.518.777.790 | 270.631.360.634 | 0 | 29.459.288.137 | 29.459.288.137 | 3.167.909.638 | 0 | 303.258.558.409 |
| Giá vốn hàng bán | 260.539.964.505 | 1.448.230.061 | 261.988.194.566 | 0 | 9.521.818.715 | 9.521.818.715 | 305.708.397 | 0 | 271.815.721.678 |
| Lãi gộp | 7.572.618.339 | 1.070.547.729 | 8.643.166.068 | 0 | 19.937.469.422 | 19.937.469.422 | 2.862.201.241 | 0 | 31.442.836.731 |
| Kỳ trước | 1 | 2 | 3 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 |
| Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 207.770.814.674 | 2.375.787.420 | 210.146.602.094 | 136.225.383 | 28.876.406.443 | 29.012.631.826 | 3.351.332.856 | 4.815.002.334 | 247.325.569.110 |
| Giá vốn hàng bán | 200.575.148.939 | 1.364.090.510 | 201.939.239.449 | 56.947.779 | 9.211.840.204 | 9.268.787.983 | 305.708.397 | 638.573.065 | 212.152.308.894 |
| Lãi gộp | 7.195.665.735 | 1.011.696.910 | 8.207.362.645 | 79.277.604 | 19.664.566.239 | 19.743.843.843 | 3.045.624.459 | 4.176.429.269 | 35.173.260.216 |

4- Trình bày doanh thu, kết quả kinh doanh từng bộ phận (09 tháng đầu năm 2020):

| CHỈ TIÊU | Thương mại | | | Dịch vụ | | | Cho thuê mặt bằng và bất động sản | Chuyển nhượng bất động sản | Tổng cộng |
|---|-----------------------|----------------------|-----------------------|--------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------------------|----------------------------|-----------------------|
| | Cty Cổ phần | Cty Chợ | Cộng | Cty Cổ phần | Cty Chợ | Cộng | | | |
| Kỳ này | 1 | 2 | 3 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 |
| Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 1.174.748.063.020 | 7.306.798.210 | 1.182.054.861.230 | 0 | 86.727.175.166 | 86.727.175.166 | 9.684.116.268 | 2.337.095.702 | 1.280.803.248.366 |
| Giá vốn hàng bán | 1.155.225.037.338 | 4.078.875.024 | 1.159.303.912.362 | 0 | 27.814.285.066 | 27.814.285.066 | 917.125.191 | 310.295.844 | 1.188.345.618.463 |
| Lãi gộp | 19.523.025.682 | 3.227.923.186 | 22.750.948.868 | 0 | 58.912.890.100 | 58.912.890.100 | 8.766.991.077 | 2.026.799.858 | 92.457.629.903 |
| Kỳ trước | 1 | 2 | 3 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 |
| Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 1.020.686.055.594 | 6.858.153.870 | 1.027.544.209.464 | 902.888.254 | 83.178.417.826 | 84.081.306.080 | 9.655.412.714 | 4.815.002.334 | 1.126.095.930.592 |
| Giá vốn hàng bán | 999.535.932.186 | 3.994.664.120 | 1.003.530.596.306 | 462.231.607 | 27.709.254.974 | 28.171.486.581 | 917.125.191 | 638.573.065 | 1.033.257.781.143 |
| Lãi gộp | 21.150.123.408 | 2.863.489.750 | 24.013.613.158 | 440.656.647 | 55.469.162.852 | 55.909.819.499 | 8.738.287.523 | 4.176.429.269 | 92.838.149.449 |



5- Thông tin so sánh (những thay đổi về thông tin trong báo cáo tài chính hợp nhất của các niên độ kế toán trước):

Lợi nhuận sau thuế Quý III năm 2020 hợp nhất của Công ty là 11.349.897.927 đồng, tăng 3,74% so với cùng kỳ năm trước.

- Hoạt động kinh doanh trong năm 2020 gặp rất nhiều khó khăn do dịch bệnh Covid-19 đã ảnh hưởng nặng nề đến hầu hết các lĩnh vực sản xuất, kinh doanh, tác động nghiêm trọng vì sự gián đoạn cung cầu hàng hóa, nguyên nhiên vật liệu.

- Thù lao bán xăng dầu đạt 1.1116 đồng/lít tăng so với cùng kỳ năm trước là 1.040 đồng/lít.

- Căn cứ vào Nghị quyết số 116/2020/QH14 ngày 19/06/2020 về giảm thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của năm 2020 đối với doanh nghiệp, hợp tác xã, đơn vị sự nghiệp và tổ chức khác quy định giảm 30% số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của năm 2020 đối với trường hợp doanh nghiệp có tổng doanh thu năm 2020 không quá 200 tỷ đồng. Do đó, công ty TNHH QL&KD Chợ Đầu Mối NSTP Hóc Môn đã thực hiện điều chỉnh giảm số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo Nghị quyết.

6- Những thông tin khác:

- Ngày 21 tháng 01 năm 2020 UBND Huyện Hóc Môn ban hành Quyết định số 276/QĐ-UBND về việc điều chỉnh một phần Quyết định số 2826/QĐ-UBND ngày 05/07/2019 của UBND Huyện Hóc Môn về việc bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất của Công ty Cổ Phần Thương Mại Hóc Môn tại Cửa hàng xăng dầu Bà Điểm 1.

- Ngày 15 tháng 04 năm 2020 Chi Cục Thuế Hóc Môn ban hành Thông báo số 02/TB-TBạ về việc nộp tiền thuê đất kỳ 1/2020 tại Chợ Đầu mối NSTP, với số tiền là 268.227.122 đồng.

- Ngày 06 tháng 05 năm 2020 Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển VN - CN Hóc Môn ban hành Thông báo số 94A/BIDV.HM-KHDN về việc tái tục tiền gửi ký quỹ giữa Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển VN - CN Hóc Môn và Công ty Cổ Phần Thương Mại Hóc Môn.

- Ngày 08 tháng 06 năm 2020 Cục Thuế TP.HCM ban hành Quyết định số 2012/QĐ-CT về việc xử phạt vi phạm hành chính về thuế cho năm 2018 và 2019.

- Ngày 15 tháng 06 năm 2020 Cục Thuế TP.HCM ban hành Thông báo số 13298/TB-CT về việc nộp bổ sung tiền chậm nộp tiền thuế qua thanh tra thuế.

- Ngày 29 tháng 06 năm 2020 Công ty Cổ Phần Thương Mại Hóc Môn ban hành Quyết định số 67/HĐQT-QĐ về việc miễn nhiệm chức danh Phó Tổng Giám đốc Công ty đối với ông Bùi Quốc Huy.

- Ngày 24 tháng 08 năm 2020 Công ty Cổ Phần Thương Mại Hóc Môn ban hành Quyết định số 97/QĐ-HĐQT về việc bổ nhiệm bà Nguyễn Thị Thúy Hồng giữ chức danh Phó Tổng Giám đốc Công ty.

Lập ngày 22 tháng 10 năm 2020

Người lập biểu

LÂM NGỌC THÙY ĐAN

Kế toán trưởng

PHAN THỊ HỒNG PHÚC

Tổng giám đốc
CÔNG TY
CỔ PHẦN
THƯƠNG MẠI
HÓC MÔN
S.Đ.Đ. K.Đ. 031
H. HÓC MÔN TP. HỒ CHÍ MINH

LÊ VĂN MỸ